

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 23/8/2017

“V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Đào Xuân Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Oanh - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Phái - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th- sinh năm 1990 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tùng L - sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn L, xã N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ghi ngày 12 tháng 6 năm 2017 và các lời khai, tại phiên tòa chị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th kết hôn cùng anh Nguyễn Tùng L vào ngày 07/02/2014, được đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T. Cưới song chị Th về làm dâu gia đình anh L ngay. Vợ chồng chị chung sống cùng với gia đình anh L. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2015 phát sinh mâu thuẫn giữa chị Th và mẹ chồng dẫn tới vợ chồng mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau đến khoảng giữa tháng 3 năm 2015 vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay vợ chồng không thăm hỏi nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị Th xin ly hôn anh L.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Tùng L vắng mặt nhưng anh L đã có bản tự khai có trong hồ sơ, anh L trình bày:

Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị Th vào ngày 07/02/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Cưới xong chị Th về làm dâu gia đình anh ngay. Gia đình chưa cho vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến ngày 10 tháng 01 năm 2015 chị Th xin phép gia đình ra ngoài thuê nhà để bán thuốc được một, hai tháng thì chị Th và con về nhà bố mẹ đẻ ở. Khi chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở anh có xuống hỏi thăm vợ và con, động viên chị Th về nhưng chị Th không về. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2015 cho đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh. Anh L thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin về đoàn tụ, vợ chồng chung sống cùng nhau để nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tùng L đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Hồ Bích D - sinh ngày 29/7/2014. Hiện cháu D đang ở cùng chị Th. Chị Th cho rằng vợ chồng chị ly hôn chị xin nuôi cháu D. Chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là 1.000.000 đồng/ tháng.

Đối với anh Nguyễn Tùng L cho rằng nếu vợ chồng anh phải ly hôn anh xin được nuôi con chung là Nguyễn Hồ Bích D. Anh không yêu cầu chị Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nếu chị Th nuôi con Nguyễn Hồ Bích D anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 1.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tùng L đều cho rằng: tài sản chung; tài sản riêng; nghĩa vụ chung về tài sản; trích chia công sức đóng góp trong thời gian ở chung; ruộng canh tác: vợ chồng chị Th, anh L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Đồng thời đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBNTQH14 ngày 30/12/2016 Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xử chấp nhận cho chị Th được ly hôn với anh L.

Giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hồ Bích D, sinh ngày 29/7/2014, buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng. Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Tùng L kết hôn ngày 07/02/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T được xác lập là tự nguyện, hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Th cho rằng: Vợ chồng chị chung sống với hơn một năm do giữa chị và mẹ chồng chị có mâu thuẫn anh L chồng chị không có quan điểm, lập trường đứng ra giải quyết nên dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị thu đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại thôn L, xã N. Từ ngày tháng 3/2015 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay chị Th giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh L.

Đối với anh L vắng mặt tại phiên tòa. Anh L có lời khai cho rằng tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng tháng 01/2015 chị Th xin phép gia đình cho ra ngoài thuê nhà để bán thuốc, vợ chồng không cãi nhau. Chị Th thuê nhà bán thuốc được một đến hai tháng thì chị Th và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị Th ở L, xã N ở từ đó cho đến nay vợ chồng anh ly thân. Khi chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở anh có xuống động viên khuyên bảo chị về vợ chồng chung sống nhưng chị Th không về. Anh L cho là tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin về đoàn tụ vợ chồng chung sống cùng nhau.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy Hội đồng xét xử cần xử cho chị Th được ly hôn anh L là phù hợp được quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: tại phiên tòa chị Th xin nuôi Nguyễn Hồ Bích D, sinh ngày 29/7/2014. Chị Th yêu cầu anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị là 1.000.000 đồng/ tháng. Chị Th cho là kể từ ngày vợ chồng chị ly thân, cháu D đang ở với chị. Trong thời gian cháu D ở với chị chăm sóc cháu D đảm bảo về thể chất, tinh thần và cháu D được đến trường học tập. Đồng thời chị có nơi ở ổn định và có công việc bán thuốc có mức lương ổn định, chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Anh L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai có trong hồ sơ. Anh xác định giữa anh và chị Th có một con chung. Nếu phải ly hôn anh xin nuôi con chung là Nguyễn Hồ Bích D. Anh L không yêu cầu chị Th phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Chị Th nuôi con, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th là 1.000.000 đồng/ tháng.

Đối với nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Th xin được nuôi Nguyễn Hồ Bích D - sinh ngày 29/7/2014. Anh Nguyễn Tùng L cũng xin nuôi cháu D. Hội

đồng xét xử thấy chị Th và anh L đều có đủ điều kiện để nuôi con chung nhưng hiện nay anh L đang là giáo viên dạy hợp thường xuyên không có nhà. Hiện nay cháu D còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ xét trên thực tế thấy cháu D đang ở với chị Th, được nuôi dưỡng đảm bảo về thể chất và tinh thần, cháu D được đến trường học tập. Chị Th làm nghề bán thuốc có mức lương ổn định nên chị Th có đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống, nuôi con. Vậy cần giao cho chị Th nuôi cháu D là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Th là 1.000.000 đồng / tháng, kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81, Khoản 2 Điều 82; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này được quy định tại khoản 3 điều 82, khoản 2 điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung; tài sản riêng; trích chia công sức trong thời gian ở chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác: chị Th, anh L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Đối với anh Nguyễn Tùng L là bị đơn đã được Tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh L vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vậy Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại khoản 1 điều 227 và khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về án phí: chị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Khoản 1 Điều 56; Khoản 2 Điều 81; Khoản 1, Khoản 3 Điều 82; Khoản 2 Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Tùng L.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục nuôi con chung là Nguyễn Hồ Bích D, sinh ngày 29/7/2014. Anh Nguyễn Tùng L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng/ tháng, kể từ tháng 9 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Tùng L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0003781 ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Tùng L phải chịu phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án xét xử vắng mặt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Cường

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Sửu Đào Xuân Hải

Hoàng Văn Cường

